



1161 Series

BÁNH XE ĐẨY KHÓA TỰ ĐỘNG

線控剎車雙球輪系列

- Thiết kế kết hợp bánh xe đẩy với khóa tự động, bánh xe đẩy khóa tự động được liên kết với tay nắm xe, khi không có lực tác động vào tay nắm, bánh xe sẽ tự động khóa chặt, giúp cho xe đẩy giữ ở trạng thái đứng yên. Khi sử dụng xe đẩy, chỉ cần tác động một lực nhỏ vào tay nắm xe, thì khóa xe sẽ được giải phóng, và bánh xe dễ dàng xoay chuyển linh hoạt. Thiết kế này giúp tăng khả năng bảo vệ đồ vật trên xe đẩy và sự an toàn của người dùng.
- 腳輪結合線控剎車裝置的設計概念，在與線控裝置連結的控制把手未受力的情況下，腳輪剎車會自動剎住，使台車在未使用情況下為靜止不動狀態；而要使用台車時，控制把手在受力後，腳輪剎車會解除剎車狀態，使得腳輪可任意轉動，這種與台車連動腳輪線控剎車設計理念能大幅增加及保護台車上的物品安全及操作人員的安全。



» Đặc điểm 特色區



Xoay khóa (khóa tự động)
活煞(單煞)



Nắp chống bụi trên bánh xe dẫn điện được làm màu vàng để phân biệt với các loại bánh xe khác.

搭配導電輪時，腳架上的車心防塵蓋會做黃色，以做區分

Bánh xe dẫn điện
導電輪

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh Resolute
全效輪



Bánh TPR lõi PP
超級人造膠



Bánh xe dẫn điện
導電輪



Ổ bi
滾珠軸承



» Quy cách tấm lắp 底板規格

Quy cách 規格	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
3"	42 x 42 mm (1-21/32" x 1-21/32")	32 x 32 mm (1-1/4" x 1-1/4") *	M4/M5
3"	60 x 60 mm (2-3/8" x 2-3/8")	42.5 x 42.5 mm (1-11/16" x 1-11/16") *	M6
4"5"	69 x 96 mm (2-23/32" x 3-25/32")	45X75mm(1-25/32" x 2-15/16") * (Tấm lắp càng cao cấp)(高級底板)	M8
4"5"	69 x 96 mm (2-23/32" x 3-25/32")	49X74.5mm(1-15/16" x 2-15/16") * (Tấm lắp lỗ nghiêng)(斜孔底板)	M8

* Gồm càng cố định. Liên hệ chúng tôi để biết thêm chi tiết. (有固定架可供選擇)

» Quy cách trục ren 絲扣規格

Quy cách 規格	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣牙徑 X 長度	Quy cách 規格	Đường kính ren X Độ dài trục ren 絲扣牙徑 X 長度
3"4"5"	M12 x 25mm	4"5"	M16 x 30mm

 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	Quy cách 規格	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
				Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車				
Độ rộng mặt bánh 輪面寬度 75mm x 14mm (3" x 0.55") Độ rộng bánh xe 腳輪寬度 75mm x 59mm (3" x 2.3")	Tấm lắp 四角底板	90kgs (198 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1161-03-84-1	1161-03-84-2	1161-03-84-4	Ổ bi 滾珠軸承	90mm (3-17/32")	23mm	Xoay 67mm Khóa tự động 67mm 活動 67mm 活煞 67mm
		90kgs (198 lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	1161-03-85-1	1161-03-85-2	1161-03-85-4				
		90kgs (198 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1161-03-86-1	1161-03-86-2	1161-03-86-4				
	Trục ren 絲扣	90kgs (198 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	-	1161-03-84-2	1161-03-84-4		82mm (3-7/32")		
		90kgs (198 lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	-	1161-03-85-2	1161-03-85-4				
		90kgs (198 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	-	1161-03-86-2	1161-03-86-4				
Độ rộng mặt bánh 輪面寬度 100mm x 18mm (4" x 0.7") Độ rộng bánh xe 腳輪寬度 100mm x 82mm (4" x 3.2")	Tấm lắp 四角底板	100kgs (220 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1161-04-84-1	1161-04-84-2	1161-04-84-4	Ổ bi 滾珠軸承	123mm (4-27/32")	32mm	Xoay 91mm Khóa tự động 91mm 活動 91mm 活煞 91mm
		100kgs (220 lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	1161-04-85-1	1161-04-85-2	1161-04-85-4				
		100kgs (220 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1161-04-86-1	1161-04-86-2	1161-04-86-4				
	Trục ren 絲扣	100kgs (220 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	-	1161-04-84-2	1161-04-84-4		121mm (4-3/4")		
		100kgs (220 lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	-	1161-04-85-2	1161-04-85-4				
		100kgs (220 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	-	1161-04-86-2	1161-04-86-4				
Độ rộng mặt bánh 輪面寬度 125mm x 18mm (5" x 0.7") Độ rộng bánh xe 腳輪寬度 125mm x 84.5mm (5" x 3.3")	Tấm lắp 四角底板	110kgs (242 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1161-05-84-1	1161-05-84-2	1161-05-84-4	Ổ bi 滾珠軸承	147mm (5-25/32")	40mm	Xoay 110mm Khóa tự động 110mm 活動 110mm 活煞 110mm
		110kgs (242 lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	1161-05-85-1	1161-05-85-2	1161-05-85-4				
		110kgs (242 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	1161-05-86-1	1161-05-86-2	1161-05-86-4				
	Trục ren 絲扣	110kgs (242 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	-	1161-05-84-2	1161-05-84-4		145mm (5-23/32")		
		110kgs (242 lbs)	Bánh xe dẫn điện 導電輪	-	1161-05-85-2	1161-05-85-4				
		110kgs (242 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠	-	1161-05-86-2	1161-05-86-4				